TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2023/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 25 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Chùy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn",* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1995
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ cư trú hiện nay: Mie ken, yokkaichishi, kawashimacho, 6662, Nhật Bản

- Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1997
Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôntại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/5/2016 và có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cùng bố mẹ anh H tại Tiểu khu B, thị trấn N nhưng chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 8/2020 chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 1, xã H sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tháng 10/2021 anh H đi xuất khẩu lao động Nhật Bản, từ khi đi đến nay anh Hải chưa về thăm gia đình lần nào. Nay anh, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/7/2017. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu Ngân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hkhông phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, anh H và chị T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã đảm bảo đúng quy định. Về nội dung các yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận các thỏa thuận của anh H, chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn H đang sống và lao động tại Nhật Bản nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh H, chị T.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh H, chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay anh, chị có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/7/2017. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị là tự nguyện, phù hợp pháp luật, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận thỏa thuận của 2 bên đương sự.

[2.3]. Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chị Ttự nguyện nộp tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Các nội dung thỏa thuận trên của anh H, chị T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 2 Điều 207; Điều 361; khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 396; khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh H, chị T, giao cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/7/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị T đã nộp tại biên lai số 0000370 ngày 05/4/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ lệ phí).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã H, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga